

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3580/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 12 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán mẫu

Công trình: Nhà văn hóa xã.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK LẮK	
Số: ... 11 ...	ĐẾN
Ngày: 6/1/16	
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 354/TTr-SXD ngày 22/12/2015 kèm theo Báo cáo thẩm định số 829/BC-SXD ngày 15/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán mẫu công trình Nhà văn hóa xã với các nội dung chủ yếu sau:

1. Công trình: Nhà văn hóa xã.

2. Đơn vị lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho mẫu: Trung tâm Kiểm định xây dựng - Sở Xây dựng Đắk Lắk;

3. Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng, diện tích xây dựng 771,5m²;

4. Đặc điểm cấu tạo: Hệ thống chịu lực chính của công trình sử dụng móng đơn đặt nông trên nền đất tự nhiên, cột, khung, dầm, sàn, sân... bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200. Tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng mác 50, bả matic, sơn nước; nền lát gạch ceramic 600x600, nền vệ sinh lát gạch chống trượt 250x250. Cửa đi, cửa sổ, khung kính lấy sáng bằng sắt kính có khung hoa sắt bảo vệ, cửa vệ sinh dùng loại cửa nhựa uPVC. Mái lợp tôn sóng vuông, xà gồ thép C 120x60x2, trần thạch cao, dầm trần sắt hộp 40x80x2. Trong nhà có hệ thống điện sinh hoạt, chiếu sáng, chống sét, cấp thoát nước hoàn chỉnh.

5. Các quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình: QCVN 06:2010/BXD;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng: QCVN 10:2014/BXD;

- Công trình công cộng, nguyên tắc cơ bản thiết kế: TCXDVN 276-2003;

- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 2737-1995

- Kết cấu bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5574-2012

- Các quy trình, quy phạm khác có liên quan theo quy định hiện hành.

6. Giá trị tổng dự toán công trình:

Bảng tổng hợp chi phí xây dựng hạng mục Nhà văn hóa xã có địa điểm xây dựng đến trung tâm các Huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột:

STT	Địa điểm XD	Các loại chi phí xây dựng (đồng)					Tổng cộng
		Xây dựng	Quản lý DA	Tư vấn	Chi phí khác	Dự phòng	
01	TP BMT	3.452.390.000	87.138.000	248.848.000	179.927.000	793.661.000	4.761.964.000
02	TX Buôn Hồ	3.469.706.000	87.575.000	250.062.000	180.829.000	797.634.000	4.785.806.000
03	H. Ea H'leo	3.470.668.000	87.600.000	250.131.000	180.880.000	797.856.000	4.787.135.000
04	H. Cư M'Gar	3.403.751.000	85.911.000	245.513.000	177.394.000	782.514.000	4.695.083.000
05	H. Krông Pắc	3.422.580.000	86.386.000	246.802.000	178.375.000	786.829.000	4.720.972.000
06	H. Ea Kar	3.448.204.000	87.033.000	248.581.000	179.710.000	792.706.000	4.756.234.000
07	H. M'Đrắk	3.436.506.000	86.737.000	247.772.000	179.100.000	790.023.000	4.740.138.000
08	H. Cư Kuin	3.410.735.000	86.087.000	245.982.000	160.704.000	780.702.000	4.684.210.000
09	H. Lắk	3.417.820.391	86.266.000	246.459.000	178.127.000	785.734.000	4.714.406.391
10	H. Krông Ana	3.410.669.000	86.085.000	245.977.000	177.754.000	784.097.000	4.704.582.000
11	H. Buôn Đôn	3.416.319.000	86.228.000	246.351.000	178.049.000	785.389.000	4.712.336.000
12	H. Ea Súp	3.513.921.000	88.691.000	253.108.000	183.132.000	807.770.000	4.846.622.000
13	H. Krông Năng	3.437.765.000	86.769.000	247.863.000	179.166.000	790.313.000	4.741.876.000
14	H. Krông Búk	3.508.393.000	88.552.000	252.710.000	165.302.000	802.991.000	4.817.948.000
15	H. Krông Bông	3.438.332.000	86.783.000	247.869.000	179.195.000	790.436.000	4.742.615.000

Đặc điểm: Kết quả thẩm định dự toán của Thiết kế mẫu được tính toán có địa điểm xây dựng tại trung tâm thị trấn, huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột và dự phòng phí được bố trí 20% giá trị xây dựng nhằm đảm bảo kinh phí cho công trình khi áp dụng mẫu trong trường hợp có thay đổi, cụ thể như sau:

- Thay đổi về địa chất của địa điểm áp dụng xây dựng, dẫn đến phát sinh tăng do thay đổi thiết kế móng (5%).

- Trượt giá theo thời điểm lập dự toán xây dựng, thay đổi chính sách tiền lương và chi phí nguyên vật liệu đến hiện trường xây lắp cho mỗi công trình nằm trên địa bàn các xã khó khăn cách xa trung tâm huyện (15%).

Điều 2. Công bố thiết kế bản vẽ thi công - dự toán mẫu công trình Nhà văn hóa xã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này để các tổ chức, cá nhân liên quan tham khảo áp dụng khi lập dự án đầu tư xây dựng đối với các loại hình công trình nêu trên. Giao Sở Xây dựng phổ biến Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán mẫu trên để các tổ chức, cá nhân liên quan được biết, thực hiện.

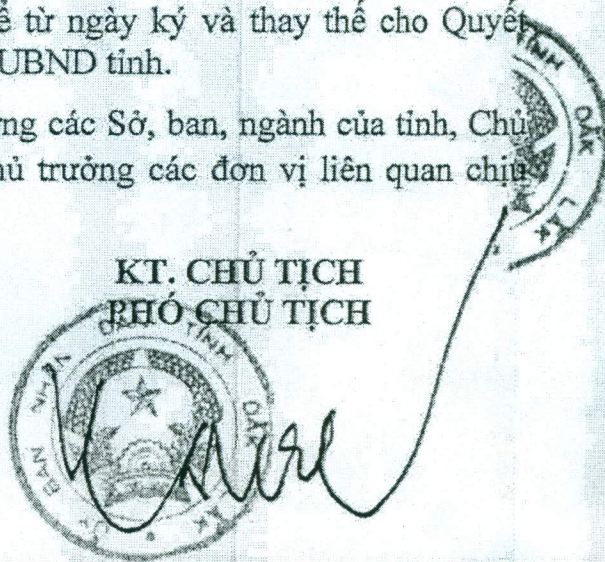
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các PVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN (CG-80).
- (TKBVTC-DT mẫu Nhà văn hóa xã)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dhăm Ênuôl